

Số: **87/2025/QĐST-HNGĐ**

Huế, ngày 27 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; CCCD số: 052184010537, cấp ngày 03/7/2024, nơi cấp: Cục C về TTXH, Bộ C1; địa chỉ: Thôn P, xã C - L, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Lê Anh H1, sinh năm 1979; CCCD số: 046079007093, cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH, Bộ C1; địa chỉ: Thôn P, xã C - L, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Anh H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Anh H1 có 02 người con chung là cháu Lê Thanh Bình S ngày 07/07/2004 và cháu Lê Thị Thu Y sinh ngày 10/02/2008. Chị H và anh H1 thoả thuận: Giao con chung là cháu Lê Thị Thu Y sinh ngày 10/02/2008 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Kể

từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Thị Thu Y sinh ngày 10/2/2008 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với con chung là cháu Lê Thanh Bình S ngày 07/07/2004 đã đủ 18 tuổi nên chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, anh Lê Anh H1 phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Anh H1 phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị H tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh H1 số tiền 150.000đ.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0000056 ngày 06/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Chân Mây – Lăng Cô
(ĐKKH ngày 16/12/2003);
- Lưu án văn;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huyền

